TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2023
V/v: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Dương Thị Phụng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thùy Nương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Cẩm Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2023, về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trịnh Thị Ngọc L, sinh năm 1978; địa chỉ ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt)

*** Bị đơn:** Dương Hoàng Đ, sinh năm 1974; địa chỉ số B, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/5/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn Trịnh Thị Ngọc L trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, bà và ông Dương Hoàng Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn nên bà và ông Đ tự chia tay nhau. Quá trình chung sống với ông Đ có 02 người con tên Dương Tấn Đ1, sinh ngày 11/10/1999 và Dương Tấn P, sinh ngày 09/9/2002, hiện nay các con đã trưởng thành, có công việc làm ổn định, đang sống chung với bà.

Sau khi chia tay với ông Đ, bà đã có chồng khác nhưng cũng chưa đăng ký kết hôn. Nay vì muốn đăng ký kết hôn với chồng sau nên khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Đ. Đối với các con chung hiện đã trưởng thành và có công việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét; về tài sản chung và nợ chung bà trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2023, bị đơn Dương Hoàng Đ xác nhận lời trình bày của bà L về mối quan hệ hôn nhân của ông với bà L, về quan hệ con chung là đúng; ông cũng thống nhất Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện nghiêm túc.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị Ngọc L. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L với ông Đ. Về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Buộc bà L chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trịnh Thị Ngọc L khởi kiện ông Dương Hoàng Đ có địa chỉ tại thành phố V để yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình "Không *công nhận quan hệ vợ chồng"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn Trịnh Thị Ngọc L và bị đơn Dương Hoàng Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Ngọc L, Hội đồng xét xử thấy: Bà và ông Dương Hoàng Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2002 phát sinh mâu thuẫn nên cả hai tự chia tay nhau, cuộc sống của ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai; cả hai đều có

vợ, có chồng khác. Xét thấy, ông Đ, bà L có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông Đ không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà L và ông Đ có 02 con chung tên Dương Tấn Đ1, sinh ngày 11/10/1999 và Dương Tấn P, sinh ngày 09/9/2002, hiện nay các con đã trưởng thành, có công việc làm ổn định, bà L và ông Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trịnh Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, Điều 228 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Thị Ngọc L và ông Dương Hoàng Đ.

2. Về con chung: Dương Tấn Đ1, sinh ngày 11/10/1999 và Dương Tấn P, sinh ngày 09/9/2002 đều trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trịnh Thị Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị Ngọc L chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002256, ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên bà L không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Trịnh Thị Ngọc L, ông Dương Hoàng Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- Lưu: Hồ sơ,…

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tấn Thành